

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K15XCD

TÊN HỌC PHẦN: ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH

HỌC KỲ 4

MÃ HỌC PHẦN: GLY - 291

TÍN CHỈ 2

Ngày thi: 30/03/2011

LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15			15		15			55	100			
1	122230600	NGUYỄN VĂN LONG	K15XCD1	0			0		0			HP	0.0	Khăng		
2	131218068	TRỊNH ĐOÀN QUANG NHÂN	K15XCD1	0			0		0			HP	0.0	Khăng		
3	131218095	LÊ ĐÌNH SƠN	K15XCD1	8			6		6			4.5	5.5	Nằm pháy Nằm		
4	151135243	HỒ THÁI AN	K15XCD1	5			0		0			5	3.5	Ba pháy Nằm		
5	151212090	TRẦN PHƯỚC ĐÔNG	K15XCD1	10			7		5			6	6.6	Sầu pháy Sầu		
6	151212097	NGUYỄN VĂN THÔNG	K15XCD1	7			6.5		4			4	4.8	Bấu pháy Tằm		
7	151212101	LÊ THÀNH TRUNG	K15XCD1	10			6.5		5.5			3	0.0	Khăng		
8	151214531	THÂN VINH TUẤN	K15XCD1	0			0		0			HP	0.0	Khăng		
9	151214532	HUỖNH CHÂU THANH HOÀNG	K15XCD1	8			0		4			3.5	0.0	Khăng		
10	151214533	BÙI LONG HẢI	K15XCD1	10			7.5		5.5			5.5	6.5	Sầu pháy Nằm		
11	151214534	NGUYỄN ĐẮC TRUNG NGUYỄN	K15XCD1	10			7		4.5			3	0.0	Khăng		
12	151214536	PHAN VĂN PHÚ	K15XCD1	2			0		0			HP	0.0	Khăng		
13	151214539	PHẠM MINH VƯƠNG	K15XCD1	10			6.5		3.5			4.5	5.5	Nằm pháy Nằm		
14	151214544	NGUYỄN VĂN TUYÊN	K15XCD1	10			6		4.5			3	0.0	Khăng		
15	151214545	NGUYỄN TRƯỜNG DUY	K15XCD1	8			6.5		5			3.5	0.0	Khăng		
16	151214553	LÊ VIỆT DANH TOẠI	K15XCD1	10			7		4			6	6.5	Sầu pháy Nằm		
17	151214564	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	K15XCD1	10			7.5		6			8.5	8.2	Tằm pháy Hai		
18	151214567	NGUYỄN NGỌC GIỚI	K15XCD1	10			8		6			7	7.5	Báy pháy Nằm		
19	151214570	CAO VĂN SƠN	K15XCD1	8			6.5		3			5.5	5.7	Nằm pháy Báy		
20	151214574	HOÀNG VIỆT HẢI	K15XCD1	10			6.5		3			5.5	6.0	Sầu		
21	151214583	LÊ MINH QUANG	K15XCD1	10			8		10			4.5	6.7	Sầu pháy Báy		
22	151214585	ĐỖ ĐỨC THỊNH	K15XCD1	10			7.5		7			5.5	6.7	Sầu pháy Báy		
23	151214586	NGUYỄN HOÀNG THẮNG	K15XCD1	6			6		4.5			6	5.8	Nằm pháy Tằm		
24	151214587	NGÔ TÙNG SƠN	K15XCD1	7			7		0			5	4.9	Bấu pháy Chèn		
25	151214592	NGUYỄN QUANG CƯỜNG	K15XCD1	2			0		0			HP	0.0	Khăng		
26	151214597	NGUYỄN QUỐC NHI	K15XCD1	10			7		7.5			7	7.5	Báy pháy Nằm		
27	151214600	TRẦN VINH THÀNH	K15XCD1	10			6.5		6.5			5	6.2	Sầu pháy Hai		
28	151214603	THÁI VĂN HÙNG	K15XCD1	10			6.5		3			4.5	5.4	Nằm pháy Bấu		
29	151214606	LÊ DUY THANH	K15XCD1	7			6		4			5.5	5.6	Nằm pháy Sầu		
30	151214608	LÊ VIỆT HÙNG	K15XCD1	8			7		5.5			6	6.4	Sầu pháy Bấu		
31	151214612	NGUYỄN LÊ HỮU LỘC	K15XCD1	10			7.5		6			5.5	6.6	Sầu pháy Sầu		
32	151214613	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	K15XCD1	7			0		5			3.5	0.0	Khăng		
33	151214615	HUỖNH VĂN BẦY	K15XCD1	8			5		6			5.5	5.9	Nằm pháy Chèn		
34	151214622	TRẦN VĂN MẠNH	K15XCD1	10			7.5		5			6	6.7	Sầu pháy Báy		
35	151214624	NGUYỄN VĂN BẢO	K15XCD1	7			5		6			4	4.9	Bấu pháy Chèn		
36	151215632	ĐẶNG THÀNH PHONG	K15XCD1	10			7		5			3	0.0	Khăng		
37	151215635	NGUYỄN CỬU	K15XCD1	10			6.5		5.5			4	5.5	Nằm pháy Nằm		
38	151215788	HỒ PHAN NGỌC NHÂN	K15XCD1	10			7.5		2			3	0.0	Khăng		
39	151215791	PHẠM PHƯỚC QUỐC VŨ	K15XCD1	6			6.5		4.5			3.5	0.0	Khăng		
40	151215901	LÊ ANH TÙNG	K15XCD1	10			7.5		4			6	6.5	Sầu pháy Nằm		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K15XCD
TÊN HỌC PHẦN: ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH
MÃ HỌC PHẦN : GLY - 291

HỌC KỲ 4
TÍN CHỈ 2
LẦN THI 1

Ngày thi: 30/03/2011

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
					15			15		15			55	100		
41	151215902	DƯƠNG HOÀI	NAM	K15XCD1	8			6.5		5			6	6.2	Sau pháp Hai	
42	151216012	LÊ NGỌC	SÁNG	K15XCD1	7			6.5		4			6	5.9	Nằm pháp Chèn	
43	151216013	PHẠM TIẾN	TÓI	K15XCD1	5			6		4.5			3.5	0.0	Khăng	
44	151216089	NGUYỄN VĂN	BÌNH	K15XCD1	8			6		5			5.5	5.9	Nằm pháp Chèn	
45	151216132	ĐOÀN CHÍ	CÔNG	K15XCD1	7			6		3.5			5	5.2	Nằm pháp Hai	
46	151216253	LÊ VĂN	LỆ	K15XCD1	10			7		5			3.5	0.0	Khăng	
47	151322158	BÙI VĂN	LƯƠNG	K15XCD1	10			7		3.5			4	5.3	Nằm pháp Ba	
48	151324886	HUỲNH THỊ	SANG	K15XCD1	10			8		5			7	7.3	Bấy pháp Ba	
49	151325641	NGÔ HUỲNH ĐAN	CA	K15XCD1	8			6.5		3			5.5	5.7	Nằm pháp Bấy	
50	112230621	TRẦN VĂN	THUẬN	K15XCD2	0			0		0			HP	0.0	Khăng	
51	131218010	MAI NGỌC	HIẾU	K15XCD2	5			5		4			3.5	0.0	Khăng	
52	141213131	HỒ CẢNH	BÌNH	K15XCD2	5			5		5			5.5	5.3	Nằm pháp Ba	
53	141213209	NGÔ THANH	SANG	K15XCD2	0			0		0			HP	0.0	Khăng	
54	141213241	LÊ VĂN	TIẾN	K15XCD2	8			7		6			5	5.9	Nằm pháp Chèn	
55	151132262	TRẦN KHÁNH	BẢO	K15XCD2	7			6.5		0			3	0.0	Khăng	
56	151135145	PHAN QUỐC	SÁNG	K15XCD2	5			5		6			3.5	0.0	Khăng	
57	151136042	NGUYỄN THỊ	NHẢ	K15XCD2	10			6		2			3.5	0.0	Khăng	
58	151212089	TRỊNH	TUẤN	K15XCD2	8			7		8			4.5	5.9	Nằm pháp Chèn	
59	151212094	NGUYỄN TÔ	THÀNH	K15XCD2	7			6.5		5.5			3.5	0.0	Khăng	
60	151212095	TRẦN VĂN	THỂ	K15XCD2	0			0		0			HP	0.0	Khăng	
61	151212103	HOÀNG NGỌC	THANH	K15XCD2	0.5			5		2			4	3.3	Ba pháp Ba	
62	151214535	NGUYỄN ĐỨC	TÀI	K15XCD2	3			0		0			HP	0.0	Khăng	
63	151214538	HUỲNH ĐỨC HOÀNG	HẢI	K15XCD2	10			7		4			7	7.0	Bấy	
64	151214540	ĐỖ THỊ CẨM	NHI	K15XCD2	10			7.5		6.5			4	5.8	Nằm pháp Tầm	
65	151214541	NGUYỄN HOÀNG	HÀ	K15XCD2	10			7		5			5.5	6.3	Sau pháp Ba	
66	151214542	VŨ HỮU	ỪNG	K15XCD2	10			7		10			5.5	7.1	Bấy pháp Mấu	
67	151214547	BÙI TÁ	ÂN	K15XCD2	6.5			5.5		3			3.5	0.0	Khăng	
68	151214549	NGUYỄN HUY	CHƯƠNG	K15XCD2	10			7		6.5			5.5	6.6	Sau pháp Sau	
69	151214550	HỒ CÔNG QUỐC	PHONG	K15XCD2	4			0		0			HP	0.0	Khăng	
70	151214552	LƯƠNG DUYÊN	GIANG	K15XCD2	8			7		6.5			7.5	7.4	Bấy pháp Bấu	
71	151214555	LÊ PHI	HOÀNG	K15XCD2	3			5		4			4.5	4.3	Bấu pháp Ba	
72	151214557	NGUYỄN QUỐC	VƯƠNG	K15XCD2	1			0		0			HP	0.0	Khăng	
73	151214558	HOÀNG NGỌC	HẢI	K15XCD2	10			7		7			3.5	0.0	Khăng	
74	151214562	HỒ SỸ	LIÊM	K15XCD2	10			7.5		5			7	7.2	Bấy pháp Hai	
75	151214566	ĐẶNG THÀNH	ĐẠT	K15XCD2	10			7		5			7	7.2	Bấy pháp Hai	
76	151214572	TRẦN VĂN	DỰ	K15XCD2	10			6.5		5			5.5	6.3	Sau pháp Ba	
77	151214580	LÂM QUANG	VƯƠNG	K15XCD2	0			0		0			HP	0.0	Khăng	
78	151214584	ĐINH HOÀNG	HUY	K15XCD2	10			0		10			6	6.3	Sau pháp Ba	
79	151214589	NGUYỄN VĂN	HIẾU	K15XCD2	10			8		10			7.5	8.3	Tầm pháp Ba	
80	151214590	NGUYỄN THỊ KIM	THU	K15XCD2	10			8		10			8	8.6	Tầm pháp Sau	
81	151214593	NGUYỄN DUY	NAM	K15XCD2	4.5			5		5			4	4.4	Bấu pháp Bấu	
82	151214596	LÊ THỂ	SANG	K15XCD2	10			6.5		7.5			5.5	6.6	Sau pháp Sau	
83	151214602	TRẦN CÔNG	TOÀN	K15XCD2	10			7		5			4.5	5.8	Nằm pháp Tầm	

Ngày thi: 30/03/2011

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15			15		15			55	100			
84	151214623	LƯƠNG NINH	K15XCD2	8			6.5		5.5			2	0.0	Khăng		
85	151215629	NGUYỄN TUẤN VŨ	K15XCD2	8			5		6			3.5	0.0	Khăng		
86	151215637	VÕ VĂN SANG	K15XCD2	10			8		6.5			7.5	7.8	Bảy phẩy Tám		
87	151215638	TRẦN THẾ HÙNG	K15XCD2	3			5		6			3.5	0.0	Khăng		
88	151215640	PHAN NGỌC HƯNG	K15XCD2	6.5			6		3			0	0.0	Khăng		
89	151215790	TRẦN XUÂN RIN	K15XCD2	6.5			6		4.5			0	0.0	Khăng		
90	151215865	TRẦN THANH TÙNG	K15XCD2	10			7.5		8			4	6.0	Sáu		
91	151215900	NGUYỄN MINH CÀM	K15XCD2	4			6		2			3.5	0.0	Khăng		
92	151215921	NGUYỄN NHẬT TÂN	K15XCD2	8			6.5		3.5			1	0.0	Khăng		
93	151215944	BÙI CHÍ TRUNG	K15XCD2	7			6.5		4			4	4.8	Bốn phẩy Tám		
94	151216016	LÊ HÙNG SƠN	K15XCD2	5			5.5		5			5.5	5.4	Năm phẩy Bốn		
95	151216176	NGUYỄN XUÂN THỨC	K15XCD2	10			7		6			2	0.0	Khăng		
96	151216210	NGUYỄN VĂN TRUNG	K15XCD2	8			7		5			3.5	0.0	Khăng		
97	151216251	NGUYỄN HUY CƯỜNG	K15XCD2	10			0		0			0.5	0.0	Khăng		
98	151216252	NGUYỄN DUY TOÀN	K15XCD2	7			6		4.5			3.5	0.0	Khăng		
99	151216379	CHÂU MINH MINH	K15XCD2	1.5			5		4			0	0.0	Khăng		
100	151216381	NGUYỄN MẬU BÌNH	K15XCD2	10			6.5		4.5			4	5.4	Năm phẩy Bốn		
101	151325866	LÊ THANH BẢO	K15XCD2	10			7		3.5			2.5	0.0	Khăng		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	56	55%	
2	Số sinh viên nợ	45	45%	
TỔNG CỘNG :		101	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 04 năm 2011
PHÒNG ĐÀO TẠO
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú